

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC TẠI NHÀ

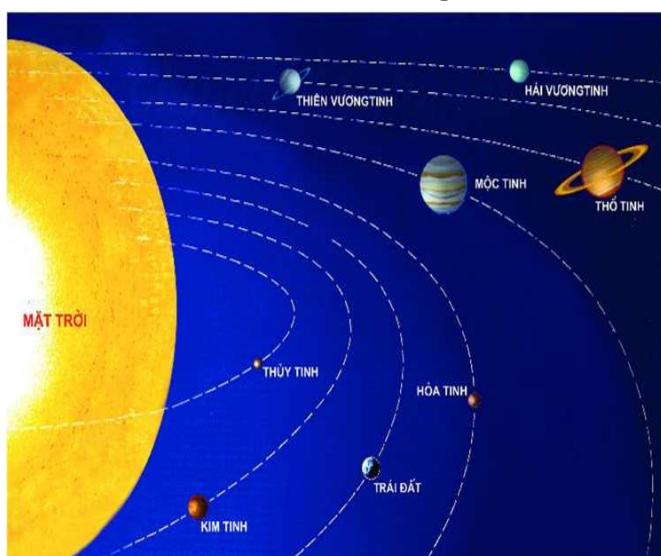
MÔN Lịch Sử- Địa lí LỚP 6

Phân môn Địa lí Tên Chủ đề/ Bài học

Bài 5. VỊ TRÍ TRÁI ĐẤT TRONG HỆ MẶT TRỜI. HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC CỦA TRÁI ĐẤT.

Hoạt động 1. Hình thành kiến thức mới

I. Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời



Quan sát hình 5.1, em hãy:

- Kê tên các hành tinh quay quanh Mặt Trời.
- . Sắp xếp các hành tinh theo thứ tự xa dần Mặt Trời. Theo thứ tự này, Trái Đất nằm ở vị trí thứ mấy?

KẾT LUẬN:

- Trái Đất nằm ở vị trí thứ 3 theo thứ tự xa dần Mặt Trời
- Ý nghĩa: Khoảng cách từ Trái Đất đến Mặt Trời là khoảng cách lí tưởng giúp cho Trái Đất nhận được lượng nhiệt và ánh sáng phù hợp để sự sống có thể tồn tại và phát triển

II/ Hình dạng, kích thước của Trái Đất

HS quan sát H5.3 và thông tin trong bài, em hãy:

- Cho biết:
 - + Hình dạng của Trái Đất.
 - + Độ dài của bán kính Trái Đất tại Xích đạo.
 - + Độ dài đường Xích đạo.

KẾT LUẬN:

- Trái Đất có hình cầu.
- Trái Đất có bán kính Xích đạo là 6 378 km, diện tích bề mặt là 510 triệu km².

-> Nhờ có kích thước và khối lượng đủ lớn, Trái Đất đã tạo ra lực hút giữ được các chất khí làm thành lớp vỏ khí bảo vệ mình.

Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá và luyện tập.

Hãy lập sơ đồ hệ thống hoá kiến thức về hình dạng, kích thước và vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời

Hãy sưu tầm một số thông tin và hình ảnh về Trái Đất hoặc hệ Mặt Trời.

ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ I

A. KIẾN THỨC

Câu 1: Trình bày sự vận động tự quay quanh trục của Trái Đất ? Vì sao mọi nơi trên Trái Đất lần lượt có ngày và đêm ?

a. Trình bày sự vận động tự quay quanh trục của Trái Đất ?

- Trái Đất quay quanh một trục tưởng tượng nối liền hai cực và nghiêng $66^{\circ}33'$ trên mặt phẳng quỹ đạo
- Hướng tự quay trái đất từ Tây sang Đông.
- Thời gian tự quay 1 vòng quanh trục là 24 giờ. Chia bề mặt Trái Đất thành 24 khu vực giờ.
- Mỗi khu vực có 1 giờ riêng đó là giờ khu vực. Giờ gốc (GMT) khu vực có kinh tuyến gốc đi qua chính giữa làm khu vực giờ gốc và đánh số 0 (còn gọi giờ quốc tế). Có 24 múi giờ, Việt Nam có múi giờ thứ 7.

b. Vì sao mọi nơi trên Trái Đất lần lượt có ngày và đêm ?

- Do Trái Đất có dạng hình cầu nên Mặt Trời chỉ chiếu sáng được một nửa: Nửa được chiếu sáng là ban ngày nửa nằm trong bóng tối là ban đêm.
- Nhờ có sự vận động tự quay của Trái Đất từ tây sang đông mà khắp mọi nơi Trái Đất đều lần lượt có ngày, đêm.

Câu 2: Trình bày sự chuyển động của Trái đất quanh Mặt trời? Vì sao sinh ra hiện tượng các mùa ?

a. Trình bày sự chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời?

- Chuyển động theo quỹ đạo có hình elip gần tròn.
- Hướng : từ Tây sang Đông.
- Thời gian Trái Đất chuyển động một vòng quanh Mặt Trời là 365 ngày 6 giờ.
- Khi chuyển động quanh Mặt trời, trục Trái Đất lúc nào cũng giữ nguyên độ nghiêng và hướng nghiêng của trục không đổi. Đó là sự chuyển động tịnh tiến.

b. Vì sao sinh ra hiện tượng các mùa ?

- Khi chuyển động trên quỹ đạo, trục Trái Đất có độ nghiêng không đổi và hướng về một phía, nên hai nửa cầu Bắc và Nam luân phiên nhau ngả về phía Mặt Trời, sinh ra các mùa: Xuân – Hạ - Thu - Đông.
- Sự phân bố ánh sáng, lượng nhiệt và cách tính mùa ở hai nửa cầu Bắc và Nam hoàn toàn trái ngược nhau.
- Các mùa tính theo dương lịch và âm dương lịch có khác nhau về thời gian bắt đầu và kết thúc.

Câu 3: Trình bày hiện tượng núi lửa ? Tại sao núi lửa gây nhiều tác hại cho con người nhưng tại sao xung quanh các núi lửa vẫn có dân cư sinh sống ?

a. Trình bày hiện tượng núi lửa ?

- + Núi lửa: là hình thức phun trào mác ma dưới sâu lên mặt đất. Mác ma: Là những vật chất nóng chảy, nằm ở dưới sâu, trong lớp vỏ Trái Đất, nơi có nhiệt độ trên 1000°C .
- + Tác hại của núi lửa: Nhà cửa, đường sá, cầu cống bị phá hủy và làm chết người .

b. Tại sao núi lửa gây nhiều tác hại cho con người nhưng tại sao xung quanh các núi lửa vẫn có dân cư sinh sống ?

Tác hại của núi lửa rất khủng khiếp, nhưng dung nham núi lửa sau khi bị phong hoá sẽ tạo thành loại đất tốt, thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp. Vì vậy, vẫn có sức hấp dẫn đối với cư dân quanh vùng về sản xuất nông nghiệp.

Ở Việt Nam, dung nham núi lửa bao phủ những miền rộng lớn ở Tây Nguyên và Đông Nam Bộ. Những khu vực này nhờ có đất đỏ ba dan rất màu mỡ thích hợp với việc trồng các cây công nghiệp như (cà phê, hồ tiêu, cao su,...), cây nông nghiệp (ngô, lạc, đỗ...) và trồng rừng nên cũng là nơi tập trung dân cư ở nước ta.

Câu 4: Trình bày hiện tượng động đất? Con người đã có những biện pháp gì để hạn chế bớt những thiệt hại do động đất gây ra ?

a. Trình bày hiện tượng động đất?

+ Động đất: là hiện tượng tự nhiên xảy ra đột ngột từ một điểm sâu trong lòng đất, làm cho các lớp đá gần mặt đất rung chuyển .

+ Tác hại của động đất: Nhà cửa, đường sá, cầu cống bị phá hủy và làm chết người.

b. Con người đã có những biện pháp gì để hạn chế bớt những thiệt hại do động đất gây ra ?

- Tìm cách xây nhà chịu được những chấn động lớn.

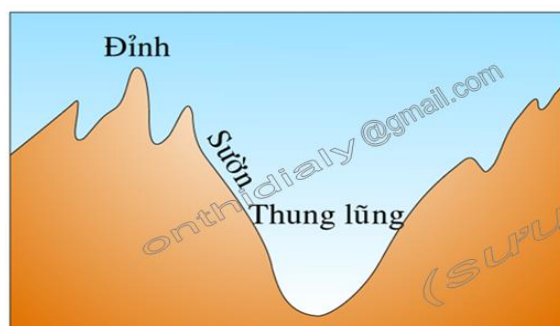
- Lập các trạm nghiên cứu, dự báo trước để kịp thời sơ tán dân khỏi vùng nguy hiểm.

B. THỰC HÀNH – KĨ NĂNG

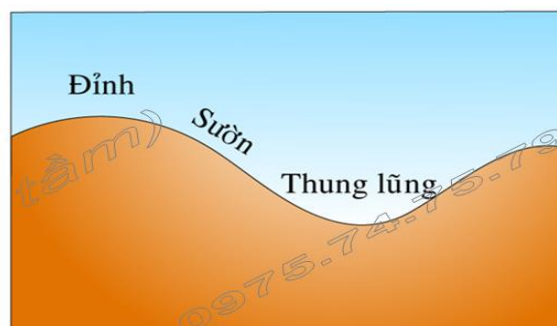
Câu 5: Phân biệt núi già, núi trẻ:

- Núi già: đỉnh tròn, sườn thoải, thung lũng cạn, thời gian hình thành hàng trăm triệu năm.

- Núi trẻ: đỉnh nhọn, sườn dốc, thung lũng sâu, thời gian hình thành hàng chục triệu năm.



a. Núi trẻ



b. Núi già

Câu 6. Bài tập : Tính tỉ lệ % từng đại dương qua bảng số liệu:

Các đại dương trên Trái đất	Diện tích (triệu km ²)	Tỉ lệ %
Thái Bình Dương	179,6	49,7
Đại Tây Dương	93,4	25,8
Ấn Độ Dương	74,9	20,7

Bắc băng Dương	13,1	3,6
-----------------------	------	-----

Câu 7. Bài tập : Tính tỉ lệ bản đồ:

- a). Trên một bản đồ Việt Nam có tỉ lệ là 1: 500 000. Khoảng cách từ thành phố Hồ Chí Minh đến thành phố Đà Lạt đo được là 6 cm. Vậy trên thực tế khoảng cách giữa 2 thành phố đó là bao nhiêu km?
- b). Dựa vào số ghi các tỉ lệ bản đồ sau đây: 1: 200.000 cho biết 5 cm trên bản đồ ứng với bao nhiêu km ngoài thực địa?

Bài làm:

a) Khoảng cách trên thực tế từ thành phố Hồ Chí Minh đến thành phố Đà Lạt là:
 $6 \times 500.000 = 3.000.000 \text{ cm} = 30 \text{ km}$

b) Số km ngoài thực địa ứng với 5 cm trên bản đồ là:
 $5 \times 200.000 = 1.000.000 \text{ cm} = 10 \text{ km}$

- Trường:
- Lớp:
- Họ tên học sinh:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
ĐỊA	Mục A: Phần B:	1. 2. 3.